TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2019/HS-PT
Ngày: 05/09/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 05 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 56/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 07 năm 2019 đối với bị cáo Phan Trần Thị T do có kháng cáo của bị cáo Phan Trần Thị T đối với Bản án sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Phan Trần Thị T** (tên gọi khác: T lỏng não), sinh năm 1982; tại tỉnh P Y. Nơi cư trú: 19/27 Nguyễn Công Trứ, phường 6, thành phố T H, tỉnh P Y; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Tấn T, sinh năm 1955 và bà Trần Thị T, sinh năm 1959; có chồng Nguyễn Hùng S, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/10/2018 tại phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D và Trần Văn H nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Mỹ D và Trần Văn H có quan hệ tình cảm với nhau nên trong khoảng thời gian từ tháng 09/2017 đến ngày 26/01/2018, cả hai thường xuyên đến các khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn thành phố Tuy Hòa thuê phòng để ở cùng nhau. Bản thân D và Hội không có nghề nghiệp ổn định lại sử dụng ma túy nên mua ma túy về sử dụng và cùng bán ma túy để có tiền tiêu xài cá nhân. D trực tiếp liên hệ với Nguyễn Thị Thu H1, khoảng 40 tuổi, ở thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy, sau đó cùng H phân lẻ ma túy để bán lại cho các đối tượng nghiện. Các đối tượng có nhu cầu mua ma túy gọi điện thoại cho D theo số điện thoại 01673003336, sau khi hai bên thống nhất thời gian, địa điểm giao ma túy thì D hay H hoặc cả D và H giao ma túy cho người mua. Cụ thể:

Tháng 09/2017 mua 2.000.000 đồng ma túy đá của H về sử dụng và bán lại cho các đối tượng: Phan Văn A, sinh năm 1995, trú tại thôn Long Thủy, xã An Phú, thành phố Tuy Hòa 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng tại khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên, đường Nguyễn Hữu T1, phường 9, thành phố Tuy Hòa; Lữ Thi Q, sinh năm 2000, trú tại thôn Ngọc Phước 1, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa 02 lần, mỗi lần 400.000 đồng, cụ thể lần thứ nhất tại khu vực ngã tư đường Trần Hưng Đạo – Duy Tân, thành phố Tuy Hòa, lần thứ hai tại khu vực ngã tư đường Mậu Thân – Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa.

Khoảng 17 giờ ngày 14/01/2018, Hội chở D đến quầy chuyển tiền tại cửa hàng Viettel ở địa chỉ 349 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa làm thủ tục chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Thu H để mua ma túy. Khoảng 30 phút sau, thì H nhắn tin cho D biết đã nhận được tiền và ma túy được gửi về thành phố Tuy Hòa qua xe khách Cúc Tư. Đến ngày 15/01/2018, Hội cùng D đến Doanh nghiệp vận tải Cúc Tư ở 65 Lê Lợi, phường 2, thành phố Tuy Hòa để nhận gói hàng có chứa ma túy bên trong. Sau đó, H cùng D mang ma túy về phân lẻ bán cho các đối tượng nghiện trong tháng 01/2018 như sau:

+ Bán cho Trần Quốc H, sinh năm 1996, trú tại số 16 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Tuy Hòa 02 lần, mỗi lần 500.000 đồng; lần thứ nhất: tại Câu lạc bộ King Club, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa; lần thứ hai: tại khu vực đường Nguyễn Hữu Thọ, phường 9, thành phố Tuy Hòa.

+ Bán cho Lữ Thi Q 01 lần, với giá 400.000 đồng, tại Khách sạn Hoàng Vi, số 250 Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa.

+ Bán cho Lê Tấn T, sinh năm 1983, trú tại 74/2 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa 01 lần, với giá 500.000 đồng vào lúc khoảng 00 giờ ngày 26/01/2018 tại đoạn đường Hùng Vương (gần quán Tuy Hòa Xưa), thuộc phường 5, thành phố Tuy Hòa.

+ Bán cho Võ Như H, sinh năm 1995, trú tại khu phố 2, phường 2, thành phố Tuy Hòa 01 lần, với giá 400.000 đồng, vào lúc khoảng 12 giờ ngày 26/01/2018 tại khu vực phường 9, thành phố Tuy Hòa.

+ Khoảng 14 giờ ngày 26/01/2018, Trần Tuấn V, sinh năm 1989, trú ở thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa đi cùng bạn gái tên Trần Thị Hồng O (thường gọi là Q), sinh năm 1984, có hộ khẩu thường trú tại 21/2 Đồng Tâm, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đến phòng trọ của Phan Trần Thị T chơi và sử dụng ma túy đá cùng D và T. Trong lúc ngồi sử dụng ma túy thì Vũ hỏi D bán cho 01 gói ma túy đá giá 500.000 đồng thì D nhắn cho Hội biết để đến bán ma túy. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H quay lại phòng trọ của T và lấy 01 gói ma túy đá từ trong người của H ra quăng xuống dưới nền nhà trước mặt D, T, V, Q đang ngồi. V cầm gói ma túy đá cất trong người, Q đưa 500.000 đồng cho D rồi V và Q ra về.

+ Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Trần T, sinh năm 1970, trú ở thôn Phước Lộc 1, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa đến phòng trọ của T chơi thì H lấy gói ma túy đá từ trong túi quần đang mặc trên người ra rồi lấy một ít ma túy đá bỏ vào nỏ thủy tinh đốt lửa và mời T sử dụng nhưng T không sử dụng. Trong lúc D, H, T ngồi nói chuyện và hút ma túy thì Trần Phước L, sinh năm 1991, trú ở thôn Ân Niên, xã Hòa An, huyện Phú Hòa sử dụng số điện thoại 01639903414 gọi điện thoại cho D theo số 0167300336 để hỏi mua ma túy đá. Lúc này, H cầm điện thoại lên nghe trước rồi chuyển máy cho D, D đồng ý bán cho Lộc 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng và hẹn đến phòng trọ của T. Sau khi D nghe điện thoại xong thì Hội dùng tay móc trong túi quần đang mặc trên người lấy ra 01 gói ma túy đá quăng về phía D đang ngồi thì D lấy gói ma túy này để trên đùi của mình. Khoảng 10 phút sau, Lộc đến và đưa 300.000 đồng cho D thì D cầm gói ma túy đá đặt ở trên đùi đưa cho L. Khi L vừa đi ra cửa phòng trọ thì bị lực lượng Công an thành phố Tuy Hòa phát hiện bắt quả tang, đồng thời kiểm tra trên người của Trần Văn H, phát hiện thu giữ 09 gói ma túy đá cất bên trong hai túi trước quần Jean H đang mặc.

Trong tháng 09/2017, Phan Trần Thị T thuê nhà trọ của bà Ninh Thị N, sinh năm 1966 ở khu phố Ninh Tịnh 5, phường 9, thành phố Tuy Hòa để ở. Tại đây, Trần Văn H và Nguyễn Thị Mỹ D đã 03 lần mang ma túy đá đến phòng trọ của T chơi và sử dụng; trong tháng 01/2018, Phan Trần Thị T chuyển đến ở trọ tại phòng

trọ thuộc dãy trọ của bà Trương Thị H, sinh năm 1967 ở khu phố Ninh Tịnh 6, phường 9, thành phố Tuy Hòa. Tại đây, H và D tiếp tục 02 lần mang ma túy đá đến phòng trọ của T để cùng T sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 26/GĐ-PC54 ngày 29/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, xác định: Các hạt tinh thể màu trắng thu giữ được trên người của Hội có trong lượng 16,024 gam, trên người của Lộc là 0,078 gam là Methamphetamine, đây là chất ma túy trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/07/2013 của Chính phủ (nay thuộc danh mục IIC, STT 323, Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HSST ngày 14/06/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tuyên Phan Trần Thị T phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt Phan Trần Thị T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn phạt Trần Văn H 11 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị Mỹ D 11 năm tù cùng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung bị cáo Hội, bị cáo D mỗi bị cáo 10 triệu đồng; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/06/2019, bị cáo Phan Trần Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong tháng 09/2017 và tháng 01/2018, Phan Trần Thị T đã 05 lần đồng ý cho Nguyễn Thị Mỹ D và Trần Văn H sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình ở khu phố Ninh Tịnh 5 và khu phố Ninh Tịnh 6, phường 9, thành phố Tuy Hòa, trong đó có 02 lần T cùng sử dụng ma túy chung với D và H. Nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi nhiều lần, cho nhiều người vào nơi ở của mình để sử dụng trái phép chất ma túy và cùng sử dụng ma túy của bị cáo Phan Trần Thị T là nguy hiểm, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy, làm gia tăng số lượng người sử dụng trái phép chất ma túy, gián tiếp gây ra những tác hại nghiêm trọng cho sức khỏe, kinh tế và nhân cách con người; là nguyên nhân, mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội khác, nên đối với loại tội phạm này cần được phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là đã có cân nhắc trong quyết định hình phạt. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, mà chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Bị cáo Phan Trần Thị T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Trần Thị T phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo **Phan Trần Thị T – 05** (Năm) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tp. Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an tp.Tuy Hòa;
- PV 27;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng